

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-06-2021

“*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

N2 DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH – TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm N2 dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Phan Kiên Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:*
Không

Trong ngày 18 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 03 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/05/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 26/05/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1981 (Xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Anh **Trương Văn H**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/03/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, N1 đơn chị Lê Thị L trình bày:*

Tôi với anh Trương Văn H quan quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 08/5/1997.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống bên gia đình anh H, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt, tôi và anh H sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, việc vợ chồng ly thân làm cho đời sống vợ chồng ngày càng xa cách, không mang lại hạnh phúc cho tôi, tôi thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn H.

Về con chung: Tôi yêu cầu nuôi 02 con chung là Trương Thảo N1, sinh ngày 02/11/2003, Trương Minh N2, sinh ngày 26/12/2009, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ .

Ngày 26/05/2021, N1 đơn chị Lê Thị L có đơn xin vắng mặt, chị có ý kiến trình bày: Tôi yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn H. Về con chung: Tôi yêu cầu nuôi 02 con chung là Trương Thảo N1, sinh ngày 02/11/2003, Trương Minh N2, sinh ngày 26/12/2009, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

- Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Trương Văn H cư trú tại xã Hòa Thạnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

N1 đơn chị Lê Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; đối với bị đơn anh Trương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn N2*: Qua quen biết chị Lê Thị L và anh Trương Văn H có tiến tới hôn N2, có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 08/5/1997 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Lê Thị L trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống bên gia đình anh H, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị và anh H sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, việc vợ chồng ly thân làm cho đời sống vợ chồng ngày càng xa cách, không mang lại hạnh phúc cho chị, chị thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn H.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị L và anh H đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và chăm sóc các con chung. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn N2 và Gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. *Về con chung*: Chị Lê Thị L và anh Trương Văn H có 02 con chung là Trương Thảo N1, sinh ngày 02/11/2003, Trương Minh N2, sinh ngày 26/12/2009, chị L yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn N2 và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định*

giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trương Thảo N1, sinh ngày 02/11/2003, Trương Minh N2, sinh ngày 26/12/2009 đang sống chung với chị L, hiện do chị L chăm sóc, giáo dục và có nguyện vọng sống chung với chị L. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển, nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L là giao cháu Trương Thảo N1, sinh ngày 02/11/2003, Trương Minh N2, sinh ngày 26/12/2009 cho chị Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Trương Văn H được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lê Thị L chưa yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Lê Thị L khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn N2 và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn N2*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trương Văn H.

[2]. *Về con chung của vợ chồng*: Giao 02 cháu: Trương Thảo N1, sinh ngày 02/11/2003, Trương Minh N2, sinh ngày 26/12/2009 cho chị Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Anh Trương Văn H được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lê Thị L chưa yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Lê Thị L khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N $\underline{0}$ 0010903 ngày 05/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo